

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST
Ngày 06/7/2020
“*V/v Tranh chấp yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ trả nợ tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đức Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nay H'Chim và Bà Đỗ Thị Giang

Thư ký Tòa án: Bà Lê Thanh Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 253/2019/TLST-DS ngày 24/12/2019 về việc “*Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: xxx Phạm Văn Đ, Tổ xx, Phường Thống N, TP.P, tỉnh Gia Lai (có mặt)

- Bị đơn: Ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T1; Địa chỉ: Thôn xx, xã Ia P, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo trình bày:

Bà và ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T1 có quen biết với nhau. Trong thời gian từ năm 2014-2015, ông Đ và bà T1 có mượn của bà một khoản tiền đầu tư và mua một số vật tư để phục vụ cho việc nuôi Ong. Ông Đ và bà T1 đã mượn và mua nợ vật tư của bà số tiền là 34.700.000 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) đồng thời hẹn đến mùa thu hoạch mật ong thì trả cho bà tiền mượn và tiền nợ đã mua vật tư.

Bà đã nhiều lần yêu cầu ông Đ và bà T1 trả nợ nhưng ông Đ và bà T1 không trả. Đến ngày 21/9/2019 bà đã làm thông báo yêu cầu ông Đ và bà T1 trả nợ tuy nhiên ông Đ và bà T1 vẫn chây ì không trả nợ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 34.700.000 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T1 mặc dù được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc nhưng ông Đ và bà T1 không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, cũng như không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì mặc dù Tòa án đã có yêu cầu cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê:

Về việc tuân theo pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định tại các Điều 96, 97, 175, 178, 179, 203, 205, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của các đương sự: Đối với Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; Bị đơn ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T1 không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Căn cứ vào các Điều 26,35,39,144,147,165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 280, khoản 357, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 34.700.000 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng); Về án phí: Buộc ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 24/12/2019, nguyên đơn Nguyễn Thị T đã nộp đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền” đối với bị đơn ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T1 kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

Xét về hình thức, nội dung đơn khởi kiện bà Thảo là đầy đủ và bị đơn ông Bùi Công Đ, bà Nguyễn Thị T1 hiện trú tại Thôn xx, xã I, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê đã tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bị đơn không có yêu cầu phản tố, do đó Tòa án Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có cung cấp cho Tòa án 01 giấy nhận vay tiền ngày 19/6/2018 với nội dung “Tôi Bùi Công Đ, vợ Nguyễn Thị T1 cư trú tại Thôn xx, xã I, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai. Đã nhận nợ của bà T V 34.700.000 đồng”. Đồng thời ngày 21/9/2019, bà T đã có Thông báo yêu cầu bà T1 và ông Đ trong thời hạn mười ngày kể từ ngày bà T gửi thông báo cho ông Đ và bà T1 nếu không thanh toán cho bà T thì bà T khởi kiện. Đến ngày 24/12/2019, bà T đã khởi kiện yêu cầu ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 34.700.000 đồng (Năm bà mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có yêu cầu bà T1 và ông Đ cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh đối với việc ông Đ và bà T không nợ hoặc nợ ít hơn số tiền 34.700.000 đồng (Năm bà mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng bà T và ông Đ không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án, nên không có cơ sở để xem xét theo đơn trình bày ngày 27/3/2020 của bà Nguyễn Thị T1.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị T kiện yêu cầu ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ gốc 34.700.000 đồng (Năm bà mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật và cần được chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 275, khoản 3 Điều 278 và Điều 280, Điều 351 Bộ luật Dân sự buộc ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 34.700.000 đồng (Năm bà mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung Công quỹ nhà nước. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 275, khoản 3 Điều 278, 280, 351 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 34.700.000 đồng (Năm bà mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

Buộc ông Bùi Công Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 1.735.000 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) để sung Công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho cho bà bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 867.500 đồng (tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0002709 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/7/2020), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Vương Đức Phụng